

Số: 69/NQ-HĐKĐCL

Hà Nội, ngày 24 tháng 6 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Xã hội học của Học viện Nông nghiệp Việt Nam

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1257/QĐ-KĐCL ngày 05/12/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 467/QĐ-KĐCL ngày 03/6/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc tổ chức Phiên họp XXVIII của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 469/QĐ-KĐCL ngày 03/6/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc thành lập các Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục Phiên XXVIII;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Xã hội học của Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, Báo cáo thẩm định của Tiểu ban chuyên môn và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả trao đổi, thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Nghị quyết tại Phiên họp XXVIII ngày 22/6/2024 của Hội đồng.

QUYẾT NGHỊ:

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Xã hội học (sau đây gọi là Chương trình đào tạo) của Học viện Nông nghiệp Việt Nam của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo theo đúng quy định hiện hành. Kết quả đánh giá phản ánh đúng hiện trạng của Chương trình đào tạo và đã được Học viện đồng thuận.

Thẩm định kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo cho thấy số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” là 45 tiêu chí (trong tổng số 50 tiêu chí), chiếm 90%, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” (chi tiết trong *Phụ lục I*).

2. Kiến nghị Học viện Nông nghiệp Việt Nam và đơn vị có chương trình đào tạo được đánh giá cần thực hiện 11 nhóm giải pháp để cải tiến chất lượng Chương trình đào tạo (chi tiết trong *Phụ lục II*).

3. Căn cứ Điều 23, Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cho Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Xã hội học của Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



Đinh Văn Toàn

TR
K
CH
/A/

Phụ lục I
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH XÃ HỘI HỌC CỦA HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
(Kèm theo Nghị quyết số: 69/NQ-HĐKĐCL ngày 24 tháng 6 năm 2024
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn			Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn				
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt		
Tiêu chuẩn 1		3.67	2	66.67%	Tiêu chuẩn 7		4.20	5	100%		
Tiêu chí 1.1	4				Tiêu chí 7.1	4					
Tiêu chí 1.2	3				Tiêu chí 7.2	4					
Tiêu chí 1.3	4	Tiêu chí 7.3	4								
Tiêu chuẩn 2		4.00	3	100%	Tiêu chí 7.4	4					
Tiêu chí 2.1	4				Tiêu chí 7.5	5					
Tiêu chí 2.2	4				Tiêu chuẩn 8						
Tiêu chí 2.3	4	Tiêu chuẩn 3		3.67	2	66.67%	Tiêu chí 8.1	4	4.20	5	100%
Tiêu chí 3.1	4	Tiêu chí 8.2	4								
Tiêu chí 3.2	4	Tiêu chí 8.3	4								
Tiêu chí 3.3	3	Tiêu chí 8.4	4								
Tiêu chuẩn 4		4.33	3	100%	Tiêu chí 8.5	5	Tiêu chuẩn 9		3.80	3	60%
Tiêu chí 4.1	4				Tiêu chí 9.1	5					
Tiêu chí 4.2	5				Tiêu chí 9.2	3					
Tiêu chí 4.3	4	Tiêu chí 9.3	4								
Tiêu chuẩn 5		3.80	4	80%	Tiêu chí 9.4	3	Tiêu chuẩn 10				
Tiêu chí 5.1	4				Tiêu chí 9.5	4					
Tiêu chí 5.2	4				Tiêu chí 10.1	4					
Tiêu chí 5.3	3				Tiêu chí 10.2	4					
Tiêu chí 5.4	4	Tiêu chí 10.3	4								
Tiêu chí 5.5	4	Tiêu chí 10.4	5								
Tiêu chuẩn 6		4.00	7	100%	Tiêu chí 10.5	4	Tiêu chuẩn 11		4.00	5	100%
Tiêu chí 6.1	4				Tiêu chí 10.6	4					
Tiêu chí 6.2	4				Tiêu chí 11.1	4					
Tiêu chí 6.3	4				Tiêu chí 11.2	4					
Tiêu chí 6.4	4				Tiêu chí 11.3	4					
Tiêu chí 6.5	4				Tiêu chí 11.4	4					
Tiêu chí 6.6	4				Tiêu chí 11.5	4					
Tiêu chí 6.7	4										
Đánh giá chung CTĐT		Số tiêu chí đạt			Tỉ lệ số tiêu chí đạt						
		45			90%						

101 IN N T ÁI

M

Phụ lục II
CÁC KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG ĐỐI VỚI
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH XÃ HỘI HỌC CỦA HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
(Kèm theo Nghị quyết số: 69/NQ-HĐKĐCL ngày 24 tháng 6 năm 2024
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)

Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Xã hội học (CTĐT) của Học viện Nông nghiệp Việt Nam đã được Học viện tự đánh giá và được Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đánh giá chất lượng. Kết quả đánh giá chất lượng đối với CTĐT giai đoạn 2019-2023 cho thấy có những điểm mạnh sau đây:

Mục tiêu của CTĐT rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Học viện và mục tiêu giáo dục đại học; được rà soát, cập nhật. Bản mô tả CTĐT có đủ thông tin chính về CTĐT. Nội dung đề cương chi tiết học phần, phương pháp và hình thức dạy học, kiểm tra đánh giá thể hiện mức độ đóng góp việc đạt chuẩn đầu ra. Chương trình dạy học được rà soát, điều chỉnh chú trọng kiến thức thực tiễn, có tham khảo một số CTĐT trong và ngoài nước và lấy ý kiến của một số bên liên quan; nội dung chương trình dạy học cập nhật, đáp ứng được yêu cầu phát triển của ngành. Các hoạt động dạy và học của CTĐT được thiết kế khá đa dạng, phù hợp với yêu cầu đặc thù của CTĐT và được triển khai phù hợp trong thực tế. Các phương pháp dạy - học, hoạt động thực hành, thực tế được chú trọng, phát triển kỹ năng cần thiết cho người học. Quy định và hướng dẫn đánh giá kết quả học tập của người học được ban hành đầy đủ, được phổ biến đến giảng viên và người học để thực hiện. Phương pháp kiểm tra đánh giá đa dạng, người học dễ dàng tiếp cận quy trình khiêu nại. Công tác quy hoạch và đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ giảng viên, nhân viên được chú trọng, đáp ứng yêu cầu của CTĐT; giảng viên có trình độ cao, năng lực giảng dạy và nghiên cứu khoa học tốt; kết quả nghiên cứu khoa học của giảng viên đạt được cao; đào tạo và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của giảng viên, nhân viên được quan tâm thực hiện và ghi nhận; cán bộ hỗ trợ và nhân viên nhiệt huyết, có tinh thần cống hiến. Chính sách tuyển sinh rõ ràng, cập nhật hàng năm; hoạt động giám sát kết quả học tập và tư vấn, hỗ trợ người học được chú trọng. Môi trường tâm lý, cảnh quan sư phạm thuận lợi cho học tập, giảng dạy và nghiên cứu. Cơ sở vật chất, trang thiết bị được đầu tư đáp ứng nhu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được thiết lập, thông tin phản hồi được sử dụng để cải tiến CTĐT và chất lượng dịch vụ. Tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học và có việc làm được thiết lập, giám sát; tỉ lệ có việc làm cao; nghiên cứu khoa học của người học được tổ chức có nền nếp và chuyên nghiệp.

Tuy nhiên, CTĐT còn những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng (cụ thể trong Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài). Trên cơ sở Hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại Phiên họp, Hội đồng kiến nghị Học viện và đơn vị có chương trình đào tạo được đánh giá cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp dưới đây:

1. Định kỳ lấy ý kiến các bên liên quan để rà soát, điều chỉnh mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT một cách có hệ thống, thể hiện đầy đủ hơn các phẩm chất chung và chuyên biệt. Điều chỉnh các diễn đạt chuẩn đầu ra phù hợp hơn, đảm bảo tính khả thi và khả năng đo lường; tăng cường phổ biến tới các bên liên quan, đặc biệt là người học và giảng viên để

nắm bắt và chủ động trong quá trình giảng dạy và học tập của mình hướng tới đạt được chuẩn đầu ra.

2. Cấu trúc lại Bản mô tả CTĐT hợp lý hơn, thể hiện rõ nội dung tuyên bố về triết lý giáo dục/phương pháp tiếp cận dạy và học của CTĐT. Đa dạng hóa các hình thức công khai Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần để các bên liên quan sử dụng hiệu quả hơn cho mục đích công việc của mình.

3. Rà soát để đảm bảo tính logic của chương trình dạy học, điều chỉnh học phần khối giáo dục đại cương và cơ sở ngành theo hướng giảm thời lượng về phương pháp nghiên cứu xã hội học, tăng kiến thức về nội dung về nông nghiệp, nông thôn, nông dân trong bối cảnh toàn cầu hóa. Phân luồng các khối kiến thức theo các nhóm việc làm, thiết kế thống nhất từ phần cơ sở ngành đến chuyên ngành và hướng dẫn người học lựa chọn phù hợp; xây dựng ma trận phát triển kỹ năng, từ đó rà soát mức độ tương thích giữa mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy-học và kiểm tra đánh giá của từng học phần với chuẩn đầu ra.

4. Hướng dẫn chuyên tải nội dung triết lý giáo dục trong việc thiết kế CTĐT. Đa dạng hóa các phương pháp dạy và học phù hợp với yêu cầu chuẩn đầu ra. Chú trọng việc rèn luyện và phát triển các kỹ năng mềm cho người học như giao tiếp xã hội, ngoại ngữ, công nghệ số.... Quan tâm hơn nữa tới việc lồng ghép để phát triển một số năng lực và phẩm chất cần thiết giúp người học thực hiện được việc học tập suốt đời như tư duy phê phán, phân biện; tư duy lô-gic; kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, kỹ năng tìm kiếm, lựa chọn, đánh giá, sử dụng thông tin, tính hiếu học, niềm đam mê với tri thức.

5. Rà soát mức độ phù hợp của phương pháp đánh giá hiện tại dựa trên ma trận phát triển kỹ năng và chuẩn đầu ra để điều chỉnh. Đối với các học phần chuyên ngành nên sử dụng đa dạng hơn các loại hình đánh giá trực tiếp các năng lực ứng dụng kiến thức vào thực tế, các năng lực tư duy bậc cao, mức độ rèn luyện các kỹ năng thực hành, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu và học tập suốt đời, khả năng kiến tạo của người học. Xây dựng ngân hàng đề thi hoặc rubric đánh giá tiếp cận lý thuyết khảo thí hiện đại, khoa học đo lường đánh giá để đảm bảo độ tin cậy, độ phân biệt cho đề thi nhằm đánh giá được năng lực người học và mức độ đạt được chuẩn đầu ra của từng học phần và của CTĐT.

6. Đổi mới quản trị đội ngũ giảng viên theo tiếp cận năng lực và phù hợp xu hướng tự chủ: cụ thể yêu cầu và mức năng lực theo từng vị trí giảng viên để đánh giá và đào tạo nâng cao năng lực; tiếp tục hoàn thiện công cụ, phương thức, bộ chỉ số KPIs để áp dụng đánh giá thống nhất trong toàn Học viện, trong đó có ghi nhận hiệu quả đóng góp gắn với đãi ngộ để thúc đẩy đổi mới sáng tạo; có quy định, hướng dẫn về hoạt động phục vụ cộng đồng để xây dựng và thực hiện chỉ số theo dõi nhiệm vụ này theo các loại hình cụ thể; kiểm soát tỷ lệ người học/giảng viên và có giải pháp giảm tải giảng dạy đối với giảng viên; hoàn thiện đồng bộ chính sách, cơ chế đột phá gắn với tự chủ để thúc đẩy mạnh mẽ công bố quốc tế, hợp tác nghiên cứu liên ngành và ứng dụng để chuyển giao phát huy được tiềm năng trong nghiên cứu khoa học của giảng viên.

7. Quan tâm xây dựng phát triển đội ngũ cố vấn học tập bao gồm hoàn thiện văn bản quy định, tiêu chuẩn tuyển chọn và cách thức tổ chức hoạt động; khuyến khích giảng viên trẻ tham gia công việc hành chính của Khoa nhằm giảm tải công việc cho các trợ lý, tiến tới cân đối tỷ lệ nhân viên hỗ trợ và giảng viên. Sớm hoàn thiện và đưa vào thực hiện bộ KPIs đánh

giá đội ngũ nhân viên hỗ trợ, phục vụ theo hướng lượng hóa rõ ràng, chi tiết, có tính phân loại cao. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo vị trí việc làm phù hợp.

8. Rà soát tiêu chí và phương thức tuyển sinh một cách bài bản; lấy ý kiến của đầy đủ các bên liên quan về chính sách tuyển sinh, khảo sát về nhu cầu nguồn nhân lực, phân tích và dự báo để xây dựng chính sách tuyển sinh phù hợp theo đặc thù của ngành đào tạo. Có các biện pháp hỗ trợ tích cực để giảm tỷ lệ người học thôi học và tỷ lệ người học bị cảnh báo học vụ. Tăng cường các hoạt động ngoại khóa, các hoạt động trải nghiệm thực tế, các hoạt động bồi dưỡng kỹ năng mềm và tăng cường năng lực ngoại ngữ, tin học cho người học.

9. Tăng cường chuyển đổi số, xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung toàn Học viện trên cơ sở kết nối các phần mềm riêng biệt hiện nay; đẩy mạnh đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị hiện đại cho công tác số hóa tài liệu, nhất là tài liệu nội sinh phục vụ tra cứu trực tuyến. Khai thác những ưu thế của thư viện điện tử, tăng hiệu quả sử dụng, mở rộng nguồn học liệu và bản quyền truy cập, nhất là bản quyền truy cập các tạp chí chuyên ngành quốc tế; bổ sung, cập nhật nguồn học liệu cho thư viện; đầu tư kinh phí cho hệ thống máy chủ với cấu hình mạnh để có thể lưu trữ cơ sở dữ liệu dùng chung của hệ thống phần mềm tích hợp đáp ứng hiệu quả bền vững quản trị đại học tiên tiến.

10. Tăng cường năng lực cho cán bộ, giảng viên về phát triển CTĐT dựa trên chuẩn đầu ra; khẩn trương xây dựng bộ công cụ và kế hoạch thực hiện đánh giá chuẩn đầu ra của CTĐT theo quy định. Nghiên cứu áp dụng các công cụ thẩm định đề thi, phân tích kết quả thi một cách khoa học để phục vụ đánh giá, cải tiến quá trình dạy học, kiểm tra đánh giá; kết quả đánh giá cũng cần được khai thác triệt để để đảm bảo quá trình dạy học, kiểm tra đánh giá tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra. Rà soát, đánh giá một cách hệ thống cơ chế phản hồi của các bên liên quan; tiếp tục chuẩn hoá các công cụ khảo sát để đảm bảo độ tin cậy và giá trị của thông tin thu được; khai thác triệt để kết quả khảo sát các bên liên quan làm cơ sở cho việc cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT.

11. Quan tâm cải tiến tình trạng người học tốt nghiệp chậm và thời gian tốt nghiệp trung bình cao. Phát huy ưu thế của phương thức đào tạo theo tín chỉ và chuyển đổi số để cải tiến mô hình đào tạo, rút ngắn thời gian tốt nghiệp, tạo điều kiện cho các người học có nhu cầu và có khả năng học tập theo lộ trình riêng. Xác lập cơ sở dữ liệu các nhà sử dụng lao động, triển khai khảo sát ý kiến về chất lượng cựu người học một cách đa dạng và chuyên nghiệp hơn để có các thông tin hữu ích phục vụ cải tiến chất lượng CTĐT.

Trên đây là 11 nhóm giải pháp tổng hợp. Nhà trường, đơn vị có chương trình đào tạo được đánh giá cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài chương trình đào tạo của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để có thêm những giải pháp chi tiết trong quá trình triển khai thực hiện. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng), Học viện cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Xã hội học gửi cơ quan quản lý trực tiếp, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội.